

CHƯƠNG TRÌNH VÀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

• TS. NGUYỄN TIẾN HÙNG

Viện Khoa học Giáo dục Việt nam

1. Chương trình giáo dục

Thuật ngữ “chương trình” (curriculum) có nhiều cách hiểu khác nhau, nhưng nhìn chung, trong tiếng Anh thì “curriculum” có nguồn gốc Latin từ “currere” có nghĩa là “to run a race-course” (chạy trong trường đua ngựa). Có nghĩa là chương trình là một tiến trình (course hay path) mà người học phải chạy cho tới đích để kết thúc cuộc đua (race), hay nói cách khác là tất cả các hoạt động mà người học cần thực hiện để kết thúc chương trình và đạt tới các mục tiêu học tập đã đề ra.

Trên thực tế, chương trình không chỉ bao hàm nội dung kiến thức (danh mục các môn học cần học) hay nội dung chương trình, mà còn bao hàm tất cả các kinh nghiệm được lập kế hoạch để người học phải khám phá nhằm đạt tới các mục tiêu học tập. Vì vậy, chương trình thường được hiểu là một tiến trình học tập các kiến thức, kỹ năng và thái độ cần có, cùng với việc chỉ rõ các phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá chính, cũng như các nguồn lực cần thiết để thực hiện tiến trình hay khóa học đó một cách có hiệu quả.

Ngoài ra, chương trình còn được hiểu là “kế hoạch học thuật” (academic plan) - một kế hoạch bao gồm các mục đích, các hoạt động và các cách để đo thành công. Theo cách hiểu này thì kế hoạch học thuật bao gồm các quyết định để người học biết cần học cái gì, tại sao học chúng và học như thế nào (và còn chỉ rõ không cần học cái gì.) Kế hoạch này còn bao gồm các chiến lược về quá trình cũng như các chỉ dẫn về cách đánh giá và nhận xét người học. Tức là, chương trình tối thiểu phải bao gồm: mục đích/mục tiêu, nội dung, cấu trúc tổ chức, các quá trình giảng dạy, học tập và đánh giá.

Như vậy, có thể hiểu chương trình giáo dục là cái (kiến thức, kỹ năng và thái độ) mà người học cần biết, có khả năng làm được và được cam kết thực hiện (nội dung), chúng được dạy (truyền thụ/giảng dạy) như thế nào, được đo đạc (đánh giá) như thế nào và các hệ thống giáo dục được tổ chức như thế nào (bối cảnh) cho phù hợp. Chương trình thường phải trả lời 3 câu hỏi chính: (1) Chương trình cố đạt tới cái gì (mục tiêu)? (2) Tổ chức việc giảng dạy và học tập như thế nào? và (3) Mục tiêu chương trình đạt tới đâu (đánh giá)? (Xem bảng 1).

2. Phát triển chương trình giáo dục

Có nhiều cách tiếp cận khác nhau, nhưng nhìn chung, có thể hiểu phát triển chương trình giáo dục là tổ chức một cách có hệ thống về vấn đề sẽ dạy và học cái gì, ai dạy và ai học, dạy và học như thế nào, tức là miêu tả tất cả các cách để lập kế hoạch việc tổ chức đào tạo hay giảng dạy và hướng dẫn học tập. Việc học tập này có thể tiến hành theo nhóm hay riêng từng cá nhân, có thể trong hoặc ngoài lớp học. Nó có thể thực hiện trong các cơ sở giáo dục (như trường phổ thông, đại học hay trung tâm đào tạo), hay tại nông thôn hoặc thành phố...

Trên thực tế, quá trình phát triển chương trình giáo dục thường bao gồm 4 thành tố cơ bản sau: (1) Xác định cần học cái gì, tiếp theo là nội dung và kiểu giáo dục - đào tạo để đáp ứng các nhu cầu học tập này; (2) Lập kế hoạch đào tạo; (3) Thực hiện đào tạo; và (4) Đánh giá đào tạo.

Các thành tố trên được thực hiện theo các cách khác nhau và quan trọng là cách tiếp cận được sử dụng sẽ dẫn đến hiệu quả giáo dục và đào tạo như thế nào. Dưới đây là các cách tiếp cận chính thường được sử dụng trong phát triển chương trình giáo dục:

BẢNG 1: VÍ DỤ VỀ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

03 câu hỏi chính:

1
Cố gắng đạt tới cái gì?

Mục tiêu chương trình làm cho học sinh trở thành			
Mục tiêu CT	Người học thành công Thích học, tiến bộ & thành công	Cá nhân tự tin Có khả năng tạo cuộc sống an toàn, mạnh khỏe	Công dân có trách nhiệm Có đóng góp tích cực vào xã hội
Kết quả CT	Học sinh mạnh khoẻ an toàn	Yêu cuộc sống & thành công	Có đóng góp tích cực Kinh tế tốt
Hình thành	Thái độ & tính cách Ví dụ: quả quyết, thích ứng, tự tin, dám mạo hiểm, dám nghĩ dám làm	Các kỹ năng Ví dụ: biết đọc, biết tính toán, biết sử dụng máy tính, kỹ năng học và tư duy	Kiến thức & hiểu biết Ví dụ: kiến thức để thay đổi thế giới trở nên tốt đẹp hơn

2
Tổ chức giảng dạy & học tập như thế nào?

Chương trình là kinh nghiệm học tập được lập kế hoạch trên cơ sở các giá trị & mục đích chung						
Thành phần	Môi trường	Các sự kiện	Thời gian	Học ngoài lớp học	Các bài giảng	Địa điểm
Cách tiếp cận giảng dạy & học tập	Đa dạng đáp ứng nhu cầu học tập	Đánh giá phù hợp với mục tiêu và tích hợp vào dạy và học	Tạo cơ hội phát triển tinh thần, đạo đức, văn hoá, thể chất...	Hoà hợp với phát triển con người	Đánh giá phát triển tính tự trọng và cam kết của người học	Lời cuốn người học tham dự tích cực ...
Chương trình tổng thể	Bao quát các chủ đề có ý nghĩa cho cá nhân và xã hội và thiết lập bối cảnh học tập phù hợp: Nhất quán và đa dạng văn hoá - các kiểu sống lành mạnh - tham dự cộng đồng - dám nghĩ dám làm - phát triển toàn cầu & bền vững - công nghệ & thông tin đại chúng - tư duy sáng tạo & phê phán					
Mong đợi	Giao tiếp, ngôn ngữ, biết viết, biết đọc	Phát triển sáng tạo	Kiến thức & hiểu biết thế giới	Phát triển cá nhân, xã hội & tình cảm	Phát triển thể chất	Giải quyết vấn đề, có lý trí & giải tính toán

3
Mục tiêu đạt tới đâu?

Làm cho dạy & học hiệu quả hơn để người học hiểu chất lượng & làm thế nào để cải tiến						
Đánh giá tác động	Tổng thể Ví dụ: mục tiêu chương trình, tiến triển về kỹ năng, kiến thức	Sử dụng thông tin để xác định các xu thế & mục tiêu rõ ràng cho việc cải tiến	Sử dụng kết hợp các số đo, cả định tính lẫn định lượng	Thiết lập chu trình cải tiến liên tục	Sử dụng các kỹ thuật khác nhau để thu thập & phân tích thông tin	Lời cuốn tất cả cộng đồng trường
Đo tính chịu trách nhiệm	Để bảo đảm					
	Đạt tới các chuẩn	Hành vi & tham dự	Tham dự công dân	Chọn lối sống lành mạnh	Học lên cao, có việc làm...	

a) *Cách tiếp cận dựa vào nội dung.* Đây được xem là cách tiếp cận cổ điển và dựa trên triết lý cho rằng quá trình dạy và học là mối quan hệ nhân quả theo đường thẳng. Theo tính logic của chương trình, các mục tiêu giáo dục được xác định từ trước một cách cẩn thận làm tiền đề cho việc xác định các nội dung thích hợp để giảng dạy và tiếp theo là lựa chọn phương pháp dạy cho phù hợp với đặc điểm của người dạy và người học. Việc đánh giá kết quả học tập sẽ được sử dụng để điều chỉnh “đầu vào” mới hay lập kế hoạch giảng dạy tiếp theo.

Cách tiếp cận phát triển chương trình giáo dục dựa vào nội dung rất phổ biến tại nhiều quốc gia trên thế giới và thường là giải pháp cho các hệ thống giáo dục đang phát triển hiện nay, đặc biệt ở các quốc gia còn thiếu giáo viên được đào tạo bài bản. Trên thực tế, hầu hết các quốc gia châu Âu (các nước thuộc hệ thống Xcăng-đi-na-vi, Pháp và các nước Đông Âu) thường sử dụng chương trình dựa vào định hướng nội dung trong những năm 1970.

b) *Cách tiếp cận dựa vào kinh nghiệm.* Cách tiếp cận này được miêu tả như “quá trình qua đó người học tự xây dựng kiến thức, kĩ năng và giá trị từ kinh nghiệm trực tiếp”. Cách tiếp cận này nhấn mạnh đến việc: nếu không thể đưa người học vượt ra ngoài lớp học để thâm nhập vào thế giới, thì cần phải mang thế giới vào lớp học, vì vậy, cần tập trung vào kiểu giảng dạy tham dự có kết nối mạnh mẽ giữa người học và nội dung cần học với các hoạt động thực hành để khuyến khích tính tích cực giúp người học hiểu tốt hơn. Cách tiếp cận này đòi hỏi phải có các kĩ thuật học tập hợp tác để kết nối người học thành quần thể xã hội, cũng như cho phép người học hoạt động như giáo viên và người học cần có khả năng tự kết nối cá nhân với tài liệu cần học.

Triết lý của cách tiếp cận này cho rằng quá trình để nhà trường đạt tới các mục tiêu giáo dục quan trọng hơn nội dung được sử dụng như là mục tiêu của học tập. Cách tiếp cận này xuất hiện tại châu Mỹ trong những năm đầu của thế kỉ 20 và sau đó được sử dụng xen kẽ với cách tiếp cận dựa vào nội dung. Tuy nhiên, cách tiếp cận này tập trung vào kinh nghiệm hơn là việc truyền tải thông tin và thường khó sử dụng hơn, đặc biệt khi đánh giá kết quả học tập của người học.

Một ví dụ điển hình về áp dụng cách tiếp cận này là cải cách chương trình tại Phần Lan

năm 1994 theo hướng uỷ quyền việc ra hầu hết các quyết định liên quan đến dạy và học cho nhà trường phổ thông. Cải cách này đã mang lại nhiều thành công, do tất cả giáo viên các trường trung học và phần lớn giáo viên các trường tiểu học đều có trình độ thạc sĩ và vì vậy, năng lực để truyền tải hay miêu tả kinh nghiệm học tập là tương đối tốt.

c) *Cách tiếp cận phát triển chương trình khung.* Cách tiếp cận này chủ yếu tập trung vào thiết lập các mục tiêu và cung cấp các hướng dẫn cho việc lập kế hoạch chương trình. Chương trình khung là tài liệu miêu tả các mục tiêu chung của nhà trường và chi tiết hóa thành các mục tiêu giáo dục và mục tiêu các môn học hoặc các nhóm môn học hay theo các chủ đề tích hợp.

Mục đích của chương trình khung là trao quyền ra quyết định và lập kế hoạch chương trình cho các cấp quản lí địa phương, nhà trường hoặc chính người dạy. Khi thực hiện cách tiếp cận chương trình khung, chính phủ thường chỉ quy định các đầu vào của hệ thống, như việc phân bổ thời gian cho các chủ đề hoặc môn học khác nhau, tài chính và các yêu cầu bắt buộc phải thực hiện liên quan đến việc tổ chức quá trình giảng dạy và học tập.

d) *Cách tiếp cận dựa vào kết quả* tập trung vào cái mà người học có thể làm sau khi học. Tất cả các quyết định liên quan đến chương trình và giảng dạy được ban hành dựa trên việc làm thế nào để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đạt tới kết quả đầu ra mong muốn. Cách tiếp cận này dẫn đến quá trình lập kế hoạch ngược lại với lập kế hoạch chương trình truyền thống (dựa vào nội dung).

Trong những năm 1980, hầu hết các nước Bắc Mỹ đều tập trung lập kế hoạch chương trình theo kiểu tập trung vào cái mà người học có thể học để đạt tới các mục tiêu học tập, thay cho việc tập trung vào giảng dạy (ví dụ như môn học, nội dung, phương pháp và các sắp xếp khác).

Triết lý của cách tiếp cận dựa vào kết quả là hướng dẫn/định hướng lập kế hoạch giảng dạy thông qua việc miêu tả chính xác các kết quả học tập mong muốn. Nói cách khác, cách tiếp cận này gồm các miêu tả về các chỉ tiêu cần đạt tới cho việc học tập các môn học/chủ đề/lĩnh vực khác nhau, ví dụ như có thể cung cấp cho người dạy danh mục chi tiết kiến thức và kĩ năng mà người học cần đạt tới tùy theo cấp hoặc trình độ học.

Cách tiếp cận này trở nên rất phổ biến trong các cải cách giáo dục trong những năm 1990, vì nó cho phép các nhà chính trị, cha mẹ học sinh và ngay chính người học có thể nhìn thấy bức tranh cụ thể về cái mong đợi từ nhà trường thông qua các kết quả học tập đầu ra. Hơn nữa, nó còn cho phép đánh giá bên ngoài và kiểm tra xem việc học tập có phù hợp với các mong đợi chung đã đặt ra trong chương trình hay không. Cải cách chương trình tại Anh và xứ Wales, cũng như ở New Zealand và nhiều bang của Hoa Kỳ và một phần của Australia chủ yếu đã dựa trên cách tiếp cận này.

Bảng 2 dưới đây trình bày một số khác biệt chính giữa hệ thống giáo dục truyền thống và hệ thống giáo dục dựa vào kết quả:

giáo dục thiết lập các chuẩn quốc gia cho việc giảng dạy và học tập cho tất cả các loại người học, người dạy và nhà trường. Các chuẩn này thường miêu tả chi tiết các kết quả học tập mong đợi đầu ra theo cấp học hoặc giai đoạn giáo dục/đào tạo. Các chuẩn quốc gia theo cấp học này sau đó là cơ sở cho việc lập kế hoạch chương trình. Nói cách khác, chương trình được thiết kế sử dụng việc học tập của người học như điểm bắt đầu.

Cách tiếp cận dựa vào chuẩn là trọng tâm cho chương trình cải cách giáo dục tại nhiều quốc gia, đặc biệt tại các quốc gia Anglo-Saxon và ngày càng phát triển và xuất khẩu sang nhiều quốc gia đang phát triển. Theo nghĩa hẹp, cách tiếp cận dựa vào chuẩn có những chia sẻ nhất

Bảng 2: Một số khác biệt giữa hệ thống GD truyền thống và hệ thống GD dựa vào kết quả

Hệ thống giáo dục truyền thống	Hệ thống giáo dục dựa vào kết quả
Người học thụ động	Người học tích cực
Định hướng bởi kiểm tra/thi	Đánh giá liên tục
Học thuộc lòng hay học vẹt	Tư duy phê phán, học theo kiểu tranh luận, phản ánh và hành động
Giáo trình/chương trình dựa vào nội dung và chi tiết hóa thành các môn học	Tích hợp kiến thức và học tập một cách phù hợp và liên hệ tới các tình huống thực tế
Người dạy là trung tâm và tài liệu học chủ yếu là sách giáo khoa	Tập trung vào người học và người dạy là người hướng dẫn. Học thông qua nhóm làm việc
Giáo trình/chương trình là bắt buộc và không được thay đổi	Chương trình học tập xem như là hướng dẫn cho phép người dạy phát huy tính sáng tạo
Người dạy chịu trách nhiệm về việc học tập của người học và động cơ học phụ thuộc vào người dạy	Người học tự chịu trách nhiệm và động cơ thúc đẩy thông qua thông tin phản hồi liên tục
Tập trung vào cái mà người dạy hy vọng đạt tới	Tập trung vào cái mà người học muốn đạt tới
Khung thời gian cứng	Khung thời gian mềm dẻo và linh hoạt, cho phép người học học theo tốc độ của chính mình
Chương trình gần như đóng kín và không xem xét ý kiến của công luận	Khuyến khích nhận xét và đóng góp rộng rãi của công luận

e) *Cách tiếp cận dựa vào chuẩn.* Thế hệ tiếp theo là cách tiếp cận phát triển chương trình dựa vào các chuẩn, tức là chủ yếu tập trung vào việc thiết lập các tiêu chí về cái mà người học cần biết và có khả năng làm được trong các lĩnh vực khác nhau và các giai đoạn khác nhau (theo cấp học hoặc trình độ) của nhà trường. Logic cơ bản của cách tiếp cận này là nhà nước, ví dụ bộ

tri/triết lý giống như cách tiếp cận dựa vào nội dung, tuy nhiên, điểm mạnh căn bản của các chuẩn giáo dục là chúng còn cung cấp các tiêu chí đo lường được sử dụng để đánh giá chất lượng giáo dục.

Dưới đây là những khác biệt chính giữa hệ thống giáo dục truyền thống và hệ thống giáo dục dựa vào chuẩn:

Bảng 3: Một số khác biệt giữa hệ thống GD truyền thống và hệ thống GD dựa vào chuẩn

Hệ thống giáo dục truyền thống	Hệ thống giáo dục dựa vào chuẩn
Lựa chọn chủ đề từ chương trình	Lựa chọn và phân tích chuẩn để đáp ứng
Thiết kế các hoạt động giảng dạy	Thiết kế hay lựa chọn cách đánh giá để người học có thể chứng minh đạt tới chuẩn
Thiết kế đánh giá từ trước	Xác định cái gì người học cần biết hay có khả năng làm tốt để thiết kế đánh giá
Xếp hạng hay phản hồi	Lập kế hoạch và thực hiện giảng dạy. Tạo cơ hội học tập và thực hành các kĩ năng hay kiến thức cần thiết cho tất cả người học
Học xong chủ đề này thì chuyển sang chủ đề khác theo tuần tự	Đánh giá người học và kiểm tra kết quả để lập kế hoạch giảng dạy tiếp theo

3. Xu thế tiếp cận phát triển chương trình giáo dục trong thực tế

Trước hết cần nhấn mạnh rằng không có một kiểu chương trình nào thích hợp cho tất cả và thay vào đó cần có các cách vận dụng thích hợp khác nhau cho từng bối cảnh của từng địa phương và quốc gia. Dưới đây là một số xu thế tiếp cận trong thực tế phát triển chương trình giáo dục tại các quốc gia trên thế giới:

a) *Kết hợp giữa chương trình môn học theo kiểu tích hợp và môn học độc lập* là vấn đề đầu tiên trong các chính sách về chương trình giáo dục mà hầu hết các quốc gia đều phải thực hiện, để trả lời câu hỏi: ở cấp học nào thì chương trình cần tích hợp các môn học thành các môn học chung hơn (như môn học về khoa học, về xã hội, về nghệ thuật...) và ở cấp học nào thì nên giữ nguyên các môn học độc lập như nhà trường truyền thống.

Trên thực tế, do các đặc thù của cấp học tiểu học nên hầu hết các quốc gia đều sử dụng chương trình theo các môn học tích hợp, nhưng càng lên cấp học cao hơn thì mức độ tích hợp càng giảm dần trong chương trình.

b) *Tập trung vào học tập* là quan tâm hàng đầu cho dù chọn cách tiếp cận phát triển chương trình giáo dục nào. Theo cách truyền thống, logic của tư duy chương trình chủ yếu dựa vào việc lựa

chọn đúng nội dung và phương pháp giảng dạy thích hợp với người học học và người dạy để đạt tới mục tiêu học tập. Tuy nhiên, hiện nay thì người học cần biết gì và có khả năng làm được gì mới là quan tâm hàng đầu, tức là cách tiếp cận dựa vào kết quả ngày càng trở nên phổ biến.

Đặc biệt, cách tiếp cận dựa vào kết quả rất phù hợp với xu thế giáo dục và đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội khi có sự tham dự của cộng đồng (ví dụ thông qua hội đồng trường) cùng xác định kết quả đầu ra.

c) *Lôi cuốn sự tham dự của giáo viên*. Trong một thời gian dài, chương trình chủ yếu do cơ quan quản lí cấp trên thiết kế, phê chuẩn và buộc nhà trường phải thực hiện và mặc dù người dạy/giáo viên cũng thường được tham gia vào các nhóm thiết kế chương trình, nhưng họ (người sử dụng chương trình) có vai trò rất hạn chế trong quá trình lập kế hoạch chương trình. Vì vậy, các cải cách chương trình hiện nay bắt đầu tạo nhiều cơ hội cho giáo viên tham dự vào việc lập kế hoạch chương trình, đặc biệt là mô hình chương trình dựa vào nhà trường theo cách tiếp cận phát triển chương trình khung và cách tiếp cận dựa vào kinh nghiệm đang đề cao vai trò quan trọng của giáo viên trong việc thiết kế chương trình cho cấp trường.

Thật vậy, người dạy không đơn thuần chỉ là

người thực hiện các kế hoạch chương trình được chuẩn bị từ bên ngoài, mà còn phải có vai trò thật sự trong việc quyết định dạy cái gì, dạy như thế nào và khi nào dạy. Tuy nhiên, một kiểu điển hình của cải cách giáo dục theo hướng phát triển chương trình để đảm bảo học sinh cần biết gì và có khả năng làm được gì theo cách chuẩn hóa cao (cách tiếp cận dựa vào chuẩn) thường lại làm hạn chế vai trò của người dạy trong việc lập kế hoạch chương trình.

d) *Tích hợp các tiêu chí đánh giá vào chương trình.* Một thành tố quan trọng khác trong các nỗ lực cải cách chương trình đó là đánh giá. Do hậu quả của việc tăng cường chịu trách nhiệm của nhà trường dẫn đến việc giáo viên phải đương đầu với các đánh giá bên ngoài nhiều hơn, ví dụ: kết quả học tập của học sinh và công việc của giáo viên thường xuyên chịu sự thanh tra và đánh giá từ bên ngoài. Vì vậy, giáo viên không chỉ phải dạy theo chương trình, mà còn phải chuẩn bị tốt cho học sinh để vượt qua các kì kiểm tra và thi đỗ. Chương trình dựa vào chuẩn có thể thực hiện hai chức năng này một lúc: vừa là tiêu chí để lập kế hoạch dạy và học trong nhà trường, vừa cung cấp các tiêu chí khách quan để đánh giá. Cách tiếp cận này thường được vận dụng tại các hệ thống giáo dục khi mà học sinh thường xuyên bị kiểm tra và công khai kết quả trước công luận, như tại Anh là một ví dụ.

e) *Hướng tới cải tiến nhà trường thông qua chương trình.* Chương trình ngoài việc bắt buộc phải thực hiện cho việc dạy và học, thì còn có thể là mục tiêu để cải tiến nhà trường, đặc biệt khi áp dụng các mô hình chương trình khuyến khích được tính tích cực của giáo viên trong quá trình lập kế hoạch, như cải cách phân cấp chương trình theo hướng giáo viên được mời làm đối tác trong thiết kế chương trình tại Phần Lan năm 1994 là một ví dụ. Cải cách này đã tạo cơ hội cho từng trường có quyền phát triển chương trình cho chính mình, dựa vào khung chương

trình quốc gia (do Bộ Giáo dục ban hành). Cải cách chương trình này đã có tác động tích cực để giáo viên cùng hợp tác với nhau làm việc nhằm cải tiến nhà trường. Kết quả là không chỉ nội dung thay đổi, mà thái độ hướng tới việc cải tiến nhà trường cũng được nâng cao và tương lai toàn cảnh nhà trường trở nên rõ ràng hơn.

4. Kết luận

Trên đây trình bày một số nội dung cơ bản về chương trình và phát triển chương trình, đặc biệt là các cách tiếp cận và xu thế chính được sử dụng trong phát triển chương trình giáo dục. Tuy nhiên, việc phân chia như trên chỉ mang tính ước lệ để tiện cho việc nghiên cứu, còn trong thực tế các cách tiếp cận đều mang tính kế thừa và bổ sung cho nhau nên chúng thường được sử dụng đan xen nhau để phát triển chương trình tùy theo bối cảnh của từng địa phương và quốc gia. Cuối cùng, cần nhấn mạnh rằng phát triển chương trình giáo dục là một quá trình liên tục, vì việc thiết kế chương trình hôm nay là để sử dụng cho việc giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ tương lai trong 5 đến 10 năm tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alaska Department of Education & Early Development (2006), *Curriculum and Its Development*.
2. Sahlberg, P. (2005), *Education Reform and Economic Competitiveness*. Paper prepared for the International Convention of Principles in Case Town, South Africa, 13 July, 2005.
3. The Canadian Encyclopedia (2008), *Curriculum Development*.
4. Tyler, R. (1949), *Basic Principles of Curriculum and Instruction*, IL: University of Chicago Press
5. World Agroforestry Center (2003), *What is curriculum development?*

SUMMARY

This article presents some basic contents of curriculum and curriculum design, in particular approaches and trends used in curriculum development. The author stresses that curriculum is a continuous process since the curriculum designed today is used for educating children in 5 or 10 years later.